

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co quanh 1,350 hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,349.35 điểm, giảm nhẹ gần 3 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm. Các ngành tăng ở mức độ nhẹ, ngược lại ở chiều giảm, ngành Tiện ích, Bất động sản, Dầu khí, Hóa chất, Bảo hiểm giảm trên 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, HNX trong phiên ETF cơ cấu danh mục (đề cập trong báo cáo tuần 23 và 24), và mua ròng nhẹ trên sàn UPCOM. Xu hướng giằng co chưa có dấu hiệu kết thúc. Thị trường cần một cây nến chỉ hướng cùng thanh khoản ủng hộ để bật lên trên 1,350, xác nhận xu hướng tăng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2512, 4111F7000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 20/06/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-2.69** điểm, đóng cửa tại **1349.35** điểm. HNX-Index **-0.49** điểm, đóng cửa tại **227.07** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MBB (+1.02)**, **VCB (+0.98)**, **CTG (+0.76)**, **BID (+0.33)**, **VNM (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.28)**, **VHM (-1.40)**, **GAS (-1.21)**, **GVR (-0.64)**, **LPB (-0.34)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,207** tỷ đồng, tăng **24.37%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,304 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.47 điểm. Thị trường có **135** mã tăng, 64 mã tham chiếu, **167** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-572.83** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-857.37 tỷ)**, **VHM (-284.85 tỷ)**, **FPT (-157.22 tỷ)**, **MSB (-104.72 tỷ)**, **STB (-56.50 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.52** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBB (+2.79%) [\(Link báo cáo\)](#)
DBC (+2.17%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTG (+1.47%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.20%**. Các mã diễn biến tích cực:
ANV (+6.73%)
VHC (+6.67%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCM (+5.17%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.13%	0.20%	-0.20%	-0.29%
1 tuần	2.97%	2.08%	2.57%	2.43%
1 tháng	6.11%	4.64%	1.99%	1.12%
3 tháng	0.34%	-1.71%	2.08%	4.13%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

[Link báo cáo tuần:](#)
[Báo cáo tuần 23](#)
[Báo cáo tuần 24](#)

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,349.35	227.07	99.40
% 1D	-0.20%	-0.22%	0.27%
GTKL (tỷ VND)	20,207	1,301	498
%1D	24.37%	-11.67%	5.25%
GDNN (tỷ VND)	-572.83	-1.52	3.36

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	187.59	VIC	-857.37
DBC	124.02	VHM	-284.85
VCB	96.56	FPT	-157.22
BAF	85.68	MSB	-104.72
SHB	85.27	STB	-56.50

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

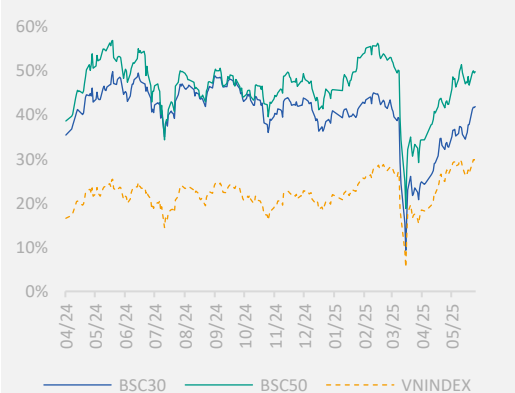
		%D	%W
SPX	5,981	-0.03%	-0.69%
FTSE100	8,831	0.44%	-0.23%
Eurostoxx	5,240	0.49%	-0.75%
Shanghai	3,360	-0.07%	-0.51%
Nikkei	38,403	-0.22%	1.52%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	77.17	-2.13%
Giá vàng	3,353	-0.84%
Tỷ giá		
USD/VND	26,282	0.02%
EUR/VND	30,869	0.51%
JPY/VND	184	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.02%
LS LNH 1M	3.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

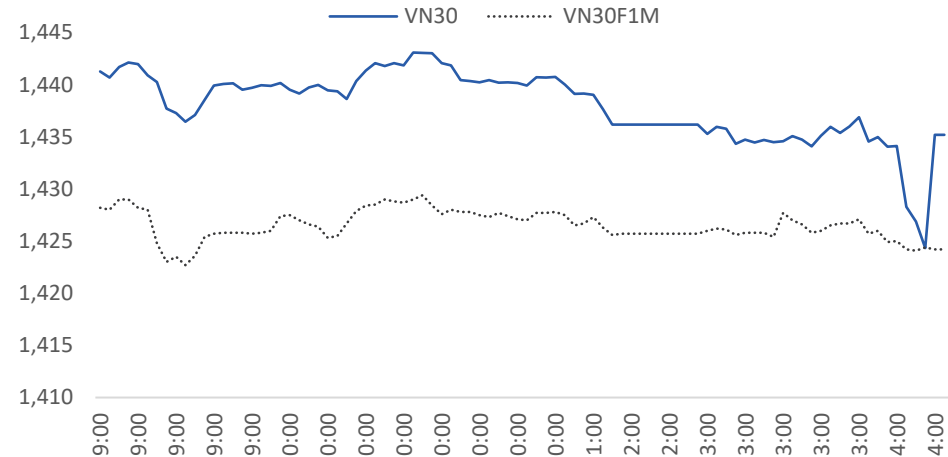
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1417.50	-0.11%	1,282	488.1%	18/09/2025	90
VN30F2512	1417.40	0.09%	36	-67.3%	18/12/2025	181
4111F7000	1424.20	0.01%	141,548	547.4%	17/07/2025	27

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -4.11 điểm, đóng cửa tại 1435.19 điểm. Biên độ dao động 20.02 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, LPB, STB, GAS tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 đóng cửa trong sắc đỏ. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới trong bối cảnh thị trường chờ đợi thêm những thông tin về thuế quan.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2512, 4111F7000. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVNM2505	30/06/2025	10	600	-87.68%	6.78	50	150.0%	12.90	6.97	56.60	56.60
CMBB2506	30/06/2025	10	82,600	-80.97%	2.30	1,500	29.3%	13.52	4.91	25.80	25.80
CMBB2508	5/08/2025	46	610,400	-78.29%	2.30	1,650	23.1%	11.76	5.60	25.80	25.80
CMBB2409	30/06/2025	10	80,500	-85.10%	2.89	220	22.2%	5.27	3.84	25.80	25.80
CMBB2405	28/07/2025	38	8,234,600	-76.86%	2.60	970	19.8%	6.68	5.97	25.80	25.80
CMBB2501	28/07/2025	38	76,600	-71.81%	2.09	1,990	19.2%	9.10	7.27	25.80	25.80
CMBB2407	4/11/2025	137	2,670,500	161556.59%	2.60	2,400	17.6%	0.00	41,707.40	25.80	25.80
CSHB2501	26/06/2025	6	68,400	-63.39%	0.99	2,190	15.3%	6.97	4.80	13.10	13.10
CMSN2508	19/11/2025	152	300	-80.77%	7.98	500	13.6%	5.97	12.98	67.50	67.50
CMBB2504	26/03/2026	279	254,800	-71.24%	2.35	2,920	13.2%	13.55	7.42	25.80	25.80
CMBB2507	5/02/2026	230	221,300	-73.64%	2.40	2,200	12.2%	11.74	6.80	25.80	25.80
CACB2501	28/07/2025	38	26,300	-83.91%	2.05	560	12.0%	7.74	3.45	21.45	21.45
CMBB2503	27/10/2025	129	94,600	-74.54%	2.26	2,480	11.7%	13.57	6.57	25.80	25.80
CVNM2509	23/02/2026	248	20,200	-79.63%	7.20	560	9.8%	6.42	11.53	56.60	56.60
CMSN2507	20/10/2025	122	220,700	-81.04%	7.80	500	8.7%	5.98	12.80	67.50	67.50
CMBB2505	9/04/2026	293	664,900	-66.98%	2.28	2,080	8.3%	7.87	8.52	25.80	25.80
CMSN2406	4/11/2025	137	220,800	-83.67%	7.90	520	8.3%	9.96	11.02	67.50	67.50
CHPG2512	19/09/2025	91	3,700	-83.00%	2.99	400	8.1%	6.01	4.59	27.00	27.00
CTCB2501	28/07/2025	38	7,700	-62.65%	2.40	5,150	7.3%	15.81	12.70	34.00	34.00
CACB2503	27/10/2025	129	1,364,300	-81.10%	2.70	810	6.6%	11.25	4.05	21.45	21.45

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***:

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 20/06/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CVNM2505 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 150.00%. CMBB2405 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.38%.
 - CMBB2407, CFPT2512, CFPT2514, CVIC2405, CVIC2502 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CSTB2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MBB	25.80	2.79%	1.51
VNM	56.60	0.89%	0.62
HPG	27.00	0.37%	0.51
ACB	21.45	0.70%	0.38
CTG	41.30	1.47%	0.31

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	86.80	-2.91%	-4.08
VHM	70.20	-2.09%	-2.12
LPB	31.90	-1.54%	-0.87
STB	46.60	-1.17%	-0.64
GAS	69.50	-3.20%	-0.38

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	25.80	2.79%	1.02	6.10
VCB	57.10	0.88%	0.98	8.36
CTG	41.30	1.47%	0.76	5.37
BID	36.00	0.56%	0.33	7.02
VNM	56.60	0.89%	0.24	2.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	13.20	1.54%	0.12	0.89
HHC	126.00	6.96%	0.09	0.02
VFS	29.50	3.51%	0.09	0.13
IDC	41.40	0.98%	0.09	0.33
PVI	56.50	0.89%	0.08	0.23

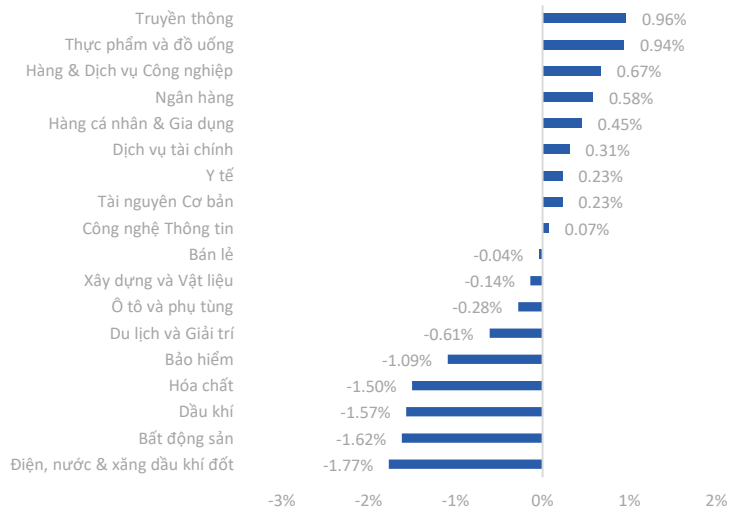
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	6.04	6.90%	0.00	0.00
IDI	6.71	6.85%	0.03	2.91
SJS	100.40	6.81%	0.18	0.77
ANV	17.45	6.73%	0.07	3.67
VHC	57.60	6.67%	0.20	2.89

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PPE	12.40	9.73%	0.01	0.00
HVT	32.70	9.73%	0.33	0.33
KSD	5.70	9.62%	0.02	0.01
KDM	17.30	9.49%	0.05	0.00
SGD	13.20	9.09%	0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	86.80	-2.91%	-2.28	3.88
VHM	70.20	-2.09%	-1.40	4.11
GAS	69.50	-3.20%	-1.21	2.34
GVR	29.20	-2.34%	-0.64	4.00
LPB	31.90	-1.54%	-0.34	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	34.70	-2.25%	-0.24	0.48
NTP	77.50	-3.00%	-0.21	0.14
KSV	167.60	-0.77%	-0.16	0.20
KSF	65.50	-1.06%	-0.13	0.30
CEO	17.90	-1.65%	-0.10	0.54

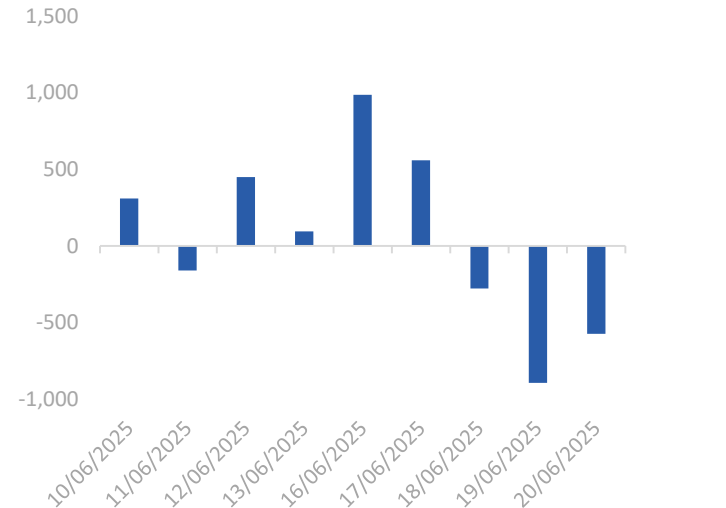
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TDH	4.51	-4.45%	-0.01	0.72
SC5	15.75	-3.67%	0.00	0.00
TCD	1.99	-3.40%	-0.01	1.24
NLG	35.70	-3.38%	-0.11	5.81
GAS	69.50	-3.20%	-1.21	1.75

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	20.60	-9.65%	-0.07	0.00
PIC	19.70	-9.63%	-0.24	0.00
PCG	1.90	-9.52%	-0.01	0.23
SGH	22.00	-9.47%	-0.10	0.00
NHC	18.10	-9.05%	-0.02	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.1	0.2%	1.5	94,800	381.0	2,978	21.5		48.0%	
KBC	Bất động sản	25.8	0.4%	1.5	19,766	159.6	1,629	15.8		17.7%	
KDH	Bất động sản	30.2	0.7%	1.2	30,537	60.2	896	33.7		35.4%	
PDR	Bất động sản	18.0	0.8%	1.6	16,330	233.5	180	100.2	23,600	9.5%	Link
VHM	Bất động sản	70.2	-2.1%	1.1	288,340	629.1	7,766	9.0	81,300	10.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	116.1	0.1%	1.0	171,982	655.7	5,613	20.7	136,500	40.9%	Link
BSR	Dầu khí	18.4	-2.1%	0.0	57,049	95.1	(37)	-500.6		0.3%	
PVS	Dầu khí	34.7	-2.3%	1.3	16,585	373.7	2,303	15.1	38,600	14.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.8	0.2%	1.5	18,539	344.7	1,394	18.5		37.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	24.0	0.4%	1.3	47,325	609.7	1,545	15.5		34.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.8	0.6%	1.3	25,708	142.4	1,602	22.3		29.2%	
DCM	Hóa chất	36.4	-0.6%	1.4	19,270	137.6	2,805	13.0	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	96.8	-0.6%	1.5	36,763	175.1	8,224	11.8	109,300	14.8%	Link
ACB	Ngân hàng	21.5	0.7%	0.9	110,181	339.9	3,224	6.7	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	36.0	0.6%	1.0	252,769	216.1	3,643	9.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	41.3	1.5%	1.0	221,781	518.0	4,806	8.6	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.2	0.7%	1.0	77,416	400.7	3,985	5.6	26,400	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	25.8	2.8%	1.0	157,439	1342.0	4,049	6.4	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	0.0%	1.1	31,330	278.3	2,150	5.6	14,000	27.8%	Link
STB	Ngân hàng	46.6	-1.2%	0.9	87,851	637.8	5,767	8.1		20.2%	
TCB	Ngân hàng	34.0	0.0%	1.2	240,205	798.0	3,013	11.3	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.4	-0.4%	1.1	35,270	93.2	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.1	0.9%	0.6	477,109	461.0	4,063	14.1	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.1	0.6%	0.9	53,922	102.6	2,400	7.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.5	-0.3%	0.9	146,381	570.1	2,030	9.1	24,000	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.0	0.4%	1.1	172,699	646.1	1,954	13.8	35,800	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.6	-0.9%	1.4	10,308	79.2	749	22.2	16,800	8.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	30.6	2.2%	1.6	10,241	341.1	3,930	7.8	32,200	2.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	67.5	0.0%	1.2	97,089	756.3	1,518	44.5	82,500	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.6	0.9%	0.5	118,291	263.3	4,194	13.5	64,500	48.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.5	1.48%	1.6	9,753	133.3	2,098	21.2	23.1%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	172.2	-1.03%	1.2	23,461	95.9	3,279	52.5	32.5%	24.0%	Link
BVH	Bảo hiểm	50.6	-1.36%	1.2	37,562	26.7	2,975	17.0	27.2%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.4	0.00%	1.5	11,216	137.3	303	57.2	3.3%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.3	0.31%	1.5	16,608	143.5	310	52.7	23.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.2	-0.20%	1.3	4,495	74.1	443	57.0	3.4%	3.4%	
HDG	Bất động sản	26.0	4.43%	1.4	9,601	215.5	762	34.0	19.0%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	41.4	0.98%	1.4	13,662	62.4	4,982	8.3	17.4%	31.2%	
NLG	Bất động sản	35.7	-3.38%	1.5	13,747	209.9	1,827	19.5	46.3%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	63.9	-2.44%	0.0	13,453	70.5	6,076	10.5	4.4%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.2	-0.75%	1.3	5,976	37.2	2,036	16.3	2.3%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.5	0.00%	1.5	12,997	106.8	1,279	15.2	10.2%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	86.8	-2.91%	1.3	331,894	1188.9	2,823	30.8	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.6	-0.40%	1.0	55,899	93.8	1,844	13.3	18.1%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.2	0.00%	1.1	7,649	28.1	1,654	21.9	36.2%	12.5%	
PLX	Dầu khí	39.2	-1.01%	0.9	49,744	56.1	1,535	25.5	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	21.1	-1.17%	1.1	11,701	142.6	1,246	16.9	4.0%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.8	1.24%	1.7	12,384	168.4	1,650	22.3	27.5%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.9	0.00%	1.7	15,408	52.5	1,650	16.3	6.6%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.5	-3.20%	0.9	162,816	122.4	4,543	15.3	1.9%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	0.38%	1.0	30,561	165.8	546	23.9	3.4%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.4	-0.87%	1.0	37,049	28.2	3,922	17.4	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	88.7	0.23%	0.5	52,476	61.7	2,777	31.9	11.9%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.1	0.29%	1.5	31,674	400.9	1,954	18.0	8.6%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.9	2.01%	1.0	23,489	84.5	3,797	14.7	40.3%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.0	2.04%	1.3	9,093	329.6	5,594	12.5	4.8%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.5	1.37%	1.2	8,694	71.3	2,293	8.1	10.3%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.0	-1.64%	0.0	13,883	86.0	3,235	35.2	6.0%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	79.6	-0.87%	1.1	26,897	40.1	6,105	13.0	49.0%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.5	5.17%	0.9	3,417	108.2	2,608	11.7	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.0	2.70%	1.4	2,329	36.0	2,580	7.4	16.2%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	38.4	-0.90%	1.2	15,008	119.4	1,223	31.4	7.5%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.2	-2.34%	1.6	116,800	67.7	1,174	24.9	1.0%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	23.5	1.51%	1.1	43,774	274.3	1,856	12.7	5.2%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.9	-1.54%	0.5	95,294	68.7	3,333	9.6	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.5	-0.30%	0.0	22,578	20.2	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.6	-0.43%	1.0	28,603	73.1	1,189	9.8	19.4%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.1	-0.38%	1.4	5,863	62.9	1,122	11.7	5.5%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.5	6.73%	1.6	4,646	62.5	612	28.5	1.3%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.8	0.70%	0.8	10,884	266.7	1,400	25.6	2.7%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	0.10%	1.2	63,487	52.9	3,217	15.4	59.0%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.6	6.67%	1.4	12,929	163.1	5,567	10.4	22.1%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	139.4	-0.43%	1.1	11,411	9.8	13,288	10.5	85.6%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.5	-1.76%	1.6	8,344	106.3	3,238	25.8	48.8%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	98.5	-1.01%	1.3	11,267	45.1	4,754	20.7	9.5%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	46.0	0.00%	1.4	4,637	46.9	2,336	19.7	7.4%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.00%	1.5	5,780	56.6	1,090	11.2	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.2	0.00%	1.3	7,922	27.4	1,237	17.9	16.5%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.4	2.89%	1.4	13,802	378.0	915	23.3	7.3%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.4	-1.14%	1.5	19,458	20.2	2,720	16.0	5.6%	14.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>